

NHẬN THỨC CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM VỀ VIỆC TÍCH HỢP KHOA HỌC CƠ BẢN VÀ NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

ĐINH THỊ HỒNG VÂN - PHAN TẤN THIỆN* - NGUYỄN DUÂN**

Ngày nhận bài: 27/06/2016; ngày sửa chữa: 04/07/2016; ngày duyệt đăng: 05/07/2016.

Abstract: The integration of pedagogic skills into the teaching of basic science subjects is one of the most important solutions to enhance the quality of teacher training programs. In order to build a firm foundation for this integration in teacher training universities, a survey of perception of lecturers and students on integrating pedagogical skills into subject teaching was conducted. The survey of 145 lecturers and 1047 students showed that most lecturers and students are well aware of the significance of the integration, but some are not. Therefore it is necessary to raise awareness of students and teachers on this integration in order to improve quality of training teachers at pedagogical universities.

Keywords: Integrating, perception, basic science subjects, pedagogical skills, lecturers, students.

1. Giáo viên là đội ngũ quan trọng đảm bảo chất lượng giáo dục, sự thành công của công cuộc đổi mới giáo dục. Phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế là một trong những vấn đề then chốt mà Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã nêu rõ: “Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển KT-XH, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo. Tiến tới tất cả các giáo viên tiểu học, trung học cơ sở; giáo viên, giảng viên (GV) các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực sư phạm” [1].

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới của thời đại, giáo viên không chỉ có những hiểu biết sâu sắc về các kiến thức, kĩ năng chuyên môn đơn thuần mà còn phải có năng lực sư phạm vững chắc. Tích hợp khoa học cơ bản (KHCB) và nghiệp vụ sư phạm (NVSP) trong đào tạo giáo viên hướng tới hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên (SV) sư phạm là hết sức cần thiết. Từ việc nghiên cứu chương trình đào tạo giáo viên, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đây chính là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên [2], [3], [4].

Tuy nhiên, hiện nay theo quan niệm truyền thống, chương trình đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm vẫn còn tách bạch rời rạc việc đào tạo KHCB và đào tạo NVSP. Quan niệm này cho rằng, chỉ có những môn *Tâm lí học*, *Giáo dục học* và *Lí luận dạy học* bộ môn mới thuộc lĩnh vực NVSP và chỉ những người dạy các môn học này mới chịu trách nhiệm đào tạo NVSP cho SV. Sự hợp đồng đào tạo giữa hai lĩnh vực KHCB và NVSP thiếu chặt chẽ hữu cơ trong cả chương trình và trong tổ chức hoạt động dạy học của GV. Việc thiếu chặt chẽ hữu cơ này làm hạn chế sự kết hợp, trao đổi và nghiên cứu để tìm ra những mạch kiến thức - kĩ năng (năng lực) chung có thể được phát triển trong những môn học có nội dung liên quan hoặc xuyên môn, hạn chế việc phát huy vai trò đội ngũ GV giảng dạy KHCB đối với việc phát triển NVSP của SV. Điều này làm lãng phí về thời gian, nội dung và các tiềm lực về đào tạo NVSP, góp phần làm hạn chế chất lượng đào tạo giáo viên - vấn đề đang được xã hội quan tâm sâu sắc hiện nay.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên hiện nay, các trường sư phạm cần phải quán triệt trong nhận thức và trong hoạt động dạy học quan điểm tích

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

** Đại học Huế

hợp KHCB và NVSP cho GV. Để có thêm cơ sở khoa học cho việc áp dụng quan điểm tích hợp này ở các trường sư phạm, cần thiết có những nghiên cứu thực tiễn. Xuất phát từ lý do này, nghiên cứu thực trạng nhận thức của GV và SV về việc tích hợp KHCB và NVSP trong đào tạo giáo viên đã được tiến hành.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chủ đạo là *điều tra bằng bảng hỏi*. Bảng hỏi gồm có 09 mệnh đề thể hiện vai trò của việc tích hợp KHCB và NVSP. Mỗi mệnh đề có 5 mức độ để khách thể lựa chọn, với kết quả định tính được chuyển sang định lượng như sau: 1- Hoàn toàn không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3- Phân vân; 4- Đồng ý; 5- Hoàn toàn đồng ý. Với nội dung nghịch, điểm số được tính: 5- Hoàn toàn không đồng ý; 4- Không đồng ý; 3- Phân vân; 2- Đồng ý; 1- Hoàn toàn đồng ý. Hệ số Cronbach's Alpha của bảng hỏi trong nghiên cứu này là khá cao (0,804). Điều này cho thấy, bảng hỏi có thể đem lại những thông tin khách quan, có độ tin cậy cao.

Bên cạnh đó, chúng tôi còn sử dụng thêm phương pháp phỏng vấn để thu thập thêm những thông tin bổ trợ nhằm đánh giá cụ thể và rõ ràng hơn nhận thức của GV và SV về việc tích hợp KHCB và NVSP trong đào tạo giáo viên. Kết quả khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0 và được phân tích chủ yếu thông qua phương pháp thống kê mô tả (tần suất, điểm trung bình, độ lệch chuẩn).

Khách thể nghiên cứu là 145 GV và 1047 SV Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) Hà Nội 2, Trường ĐHSP - Đại học Huế và các ngành sư phạm của Trường Đại học Đồng Tháp. Thời điểm khảo sát từ tháng 2/2016 đến 4/2016.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

Bảng 1. Đánh giá của GV và SV về mức độ cần thiết của việc tích hợp KHCB và NVSP trong đào tạo giáo viên ở các trường ĐHSP

STT	Mức độ cần thiết	GV		SV	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Hoàn toàn không cần thiết	2	1,4	24	2,3
2	Không cần thiết	2	1,4	38	3,6
3	Phân vân (nửa cần thiết, nửa không cần thiết)	8	5,5	70	6,7
4	Cần thiết	77	53,1	606	57,9
5	Rất cần thiết	56	38,6	309	29,5
Tổng		145	100,0	1047	100,0

Số liệu ở *bảng 1* cho thấy, hầu hết GV và SV đánh giá đúng đắn vai trò của việc tích hợp KHCB và NVSP trong đào tạo giáo viên ở các trường ĐHSP. 91,7% GV và 87,4% SV cho rằng “*cần thiết*” và “*rất cần thiết*” tiến hành việc tích hợp này.

Sự nhận thức về vai trò của việc tích hợp KHCB và NVSP trong đào tạo giáo viên ở các trường ĐHSP còn được thể hiện ở *bảng 2* (trang bên). Trong thực tế, hiện nay, ở các cơ sở đào tạo giáo viên, 02 mô hình đào tạo được áp dụng rộng rãi là *mô hình song song* (các học phần KHCB và NVSP học song song với nhau) và *mô hình tiếp nối* (SV học các kiến thức KHCB, sau đó mới học các kiến thức NVSP). So với nhiều nước trên thế giới, hàm lượng tri thức KHCB trong chương trình đào tạo ở các trường sư phạm Việt Nam nhiều hơn hẳn so với hàm lượng tri thức NVSP. Ở Anh và Australia, toàn khóa đào tạo giáo viên tiểu học gồm từ 15-35 học phần, tập trung nhiều vào các môn NVSP, trong khi đó ở nước ta số lượng học phần có khuynh hướng gấp đôi hoặc hơn và chương trình nặng về KHCB. Nghiên cứu của Leung (Đại học Hồng Kông) cho thấy, có một nghịch lý đang tồn tại ở các cơ sở đào tạo giáo viên chuyên nghiệp ở các nước Đông Nam Á là giáo dục sư phạm đang tự hạ vị trí của mình trong xã hội. Lý do nảy sinh nghịch lý này là ở nhiều nước Đông Nam Á, các môn NVSP không được đánh giá cao với tư cách là bộ môn khoa học. Chính vì vậy, hàm lượng kiến thức NVSP trong chương trình đào tạo giáo viên không nhiều, thay vào đó là nội dung KHCB không mấy liên quan [2]. Điều này ít nhiều tác động đến ý thức học tập của SV (SV thường tập trung học các học phần KHCB nhiều hơn). Từ thực trạng này, nhiều GV và SV nhấn mạnh rằng, *việc tích hợp*

sẽ khuyến khích SV học một cách toàn diện hơn, không chỉ học kiến thức KHCB mà còn kiến thức NVSP (xem *bảng 2* trang bên).

So với mô hình tiếp nối, việc hình thành các năng lực NVSP cho SV ở mô hình song song được thực hiện sớm hơn, dù vậy, với mô hình song song, các năng lực NVSP cũng chỉ được hình thành và rèn luyện trong các học phần NVSP. Với việc tích hợp KHCB và NVSP, các năng lực NVSP sẽ được rèn luyện thường xuyên hơn và quan trọng hơn, SV

Bảng 2. Đánh giá của GV và SV về vai trò của việc tích hợp KHCB và NVSP trong đào tạo giáo viên ở các trường ĐHSP

STT	Vai trò	GV		SV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Việc tích hợp KHCB và NVSP trong đào tạo giáo viên giúp gắn kết đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp	4,03	0,845	3,97	0,783
2	SV được hình thành và rèn luyện năng lực NVSP thông qua học tập các môn KHCB	3,81	0,915	3,83	0,830
3	Việc tích hợp KHCB và NVSP trong đào tạo giáo viên hướng đến hình thành các năng lực nghề nghiệp, đặc biệt năng lực hoạt động nghề cho SV	4,04	0,807	4,01	0,753
4	Khuyến khích SV học một cách toàn diện hơn, không chỉ học kiến thức KHCB mà còn kiến thức NVSP	4,15	0,836	4,07	0,787
5	Việc kết hợp rèn luyện NVSP trong các giờ dạy KHCB sẽ khiến SV học tập tích cực, chủ động, độc lập hơn...	3,91	0,942	3,96	0,824
6	Trong quá trình tích hợp KHCB và NVSP, GV thể hiện tốt năng lực nghề nghiệp của mình, điều này sẽ khiến SV hứng thú và yêu thích nghề sư phạm hơn	4,12	0,829	4,00	0,824
7	SV được tiếp xúc, làm quen với nghề sư phạm sớm, ngay từ những học phần KHCB trong học kì đầu tiên	3,95	0,853	3,85	0,879
8	Các năng lực nghề như dạy học, giáo dục và tổ chức các hoạt động sư phạm được hình thành, rèn luyện thường xuyên hơn cho SV	4,03	0,794	3,97	0,762
9*	Kiến thức KHCB và trình độ học thuật của SV có thể giảm sút do dành thời gian cho việc rèn luyện NVSP	2,77	1,247	2,95	1,086

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn; *: Mệnh đề nghịch*

thấy rõ những ứng dụng của các năng lực này trong từng tiết dạy. Xuất phát từ hữu ích này, khá nhiều GV và SV đã đánh giá cao các vai trò: *Việc tích hợp KHCB và NVSP trong đào tạo giáo viên giúp gắn kết đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp, hướng đến hình thành các năng lực nghề nghiệp, đặc biệt năng lực hoạt động nghề cho SV; các năng lực nghề như dạy học, giáo dục và tổ chức các hoạt động sư phạm được hình thành, rèn luyện thường xuyên hơn cho SV.*

Đặc trưng của việc tích hợp KHCB và NVSP là quá trình rèn luyện các năng lực NVSP sẽ được tiến hành thông qua giảng dạy các học phần KHCB. Khi học kiến thức KHCB, SV đồng thời hình thành và rèn luyện các năng lực NVSP, chính vì vậy, không ít GV và SV đánh giá cao vai trò này.

Trong nhiều chương trình đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm (Trường ĐHSP - Đại học Huế, Trường ĐHSP Hà Nội 2...), các học phần NVSP chủ yếu được bố trí vào năm thứ hai trở đi. Nếu như vậy, cơ hội rèn luyện các năng lực sư phạm của SV sẽ hơi muộn. Việc tích hợp KHCB và NVSP sẽ khắc phục được hạn chế này. Khá nhiều GV và SV đã đồng ý rằng, với mô hình tích hợp này, *“SV được tiếp xúc, làm quen với nghề sư phạm sớm, ngay từ những học phần KHCB trong học kì đầu tiên”.*

Việc tích hợp KHCB và NVSP không chỉ tác động đến quá trình hình thành và phát triển các năng lực sư phạm mà nó còn tác động đến thái độ học tập, hứng thú nghề nghiệp của SV. Có 82,8% GV và 80,4% SV cho rằng *“trong quá trình tích hợp KHCB và NVSP, GV thể hiện tốt năng lực nghề nghiệp của mình, điều này sẽ khiến SV hứng thú và yêu thích nghề sư phạm hơn”.* Tương tự, ở nhận định *“việc kết hợp rèn luyện NVSP trong các giờ dạy KHCB sẽ khiến SV học tập tích cực, chủ động, độc lập hơn...”*, tỉ lệ GV và SV “đồng ý” và “rất đồng ý” là 75,9% và 79,6%. Trong thực tế, nhiều nghiên cứu đã cho thấy, số lượng SV sư phạm không hứng thú và không muốn gắn bó với nghề chiếm tỉ lệ rất lớn. Kết quả nghiên cứu của Phan Minh Tiến [5] trên 766 SV Trường ĐHSP - Đại học Huế, Trường ĐHSP - Đại học Đà Nẵng, SV ngành Sư phạm của Đại học Quy Nhơn đã chỉ ra rằng, chỉ có 50,4% SV được khảo sát yêu thích nghề sư phạm;

32,9% SV mong muốn gắn bó với nghề sư phạm. Số lượng SV muốn thay đổi nghề sư phạm và còn lưỡng lự chiếm tỉ lệ rất lớn (67,1%). Một trong những nguyên nhân cơ bản khiến SV không hứng thú với nghề, muốn chọn lại nghề đó là do các em chưa thấy được sức hấp dẫn của nghề sư phạm. Để tăng hứng thú và gắn bó với nghề, cần thiết tiến hành tích hợp KHCB và NVSP. Một tiết dạy KHCB là một tiết dạy nghề thực sự. Sự nhiệt huyết và năng lực nghề nghiệp sư phạm của GV thể hiện trong từng tiết dạy là nguồn kích thích tạo hứng thú nghề nghiệp và tính tích cực học tập cho SV. Với tính hữu ích này, trong xu hướng đổi mới chương trình đào tạo, nhiều nước trên thế giới đã chủ trương thực hiện tích hợp KHCB và NVSP. Theo báo cáo nghiên cứu công tác đào tạo giáo viên của Ramsey

(2000) - Bang New South Wales [2], trong cơ cấu chương trình đào tạo giáo viên ở các trường đại học, tất cả các ngành khoa học liên quan trong một trường đại học cần phải tham gia vào công tác đào tạo giáo viên. GV dạy các môn KHCB đều có trách nhiệm hỗ trợ SV để họ thấy mối liên kết giữa các môn học chuyên ngành với kiến thức sư phạm. Mối liên hệ này không chỉ dừng lại bên trong ở một trường đại học mà còn tạo cơ hội cho SV thực hành khi học thực hành tại trường phổ thông.

Nhìn chung, kết quả khảo sát đã cho thấy, phần lớn GV và SV đã nhận thức được tầm quan trọng của việc tích hợp KHCB và NVSP; tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận chưa thấy được sự cần thiết và các vai trò thiết yếu của việc này. Có 8,3% GV và 13,6% SV cho rằng “hoàn toàn không cần thiết”, “không cần thiết” và “phân vân” trước quan điểm tích hợp KHCB và NVSP. Nhiều GV (48,3%) và SV (38,5%) sợ rằng “kiến thức KHCB và trình độ học thuật của SV có thể giảm sút do dành thời gian cho việc rèn luyện NVSP”. Thực tế, tích hợp KHCB và NVSP có tính chất tác động “kép”: 1) Thông qua giảng dạy các học phần KHCB, năng lực NVSP của SV có thể được hình thành và phát triển; 2) thông qua rèn luyện NVSP, các kiến thức KHCB được củng cố vững chắc hơn. Vấn đề cốt lõi ở đây, GV cần thiết kế các hoạt động vừa giúp SV rèn luyện năng lực NVSP và đồng thời củng cố kiến thức KHCB.

Ngoài ra, trong các nhận định về vai trò của việc tích hợp KHCB và NVSP, không ít GV và SV lựa chọn các mức độ “hoàn toàn không đồng ý”, “không đồng ý” và “phân vân”, cụ thể: “Việc tích hợp KHCB và NVSP trong đào tạo giáo viên giúp gắn kết đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp” (14,5% GV và 13,8% SV); “SV được hình thành và rèn luyện năng lực NVSP thông qua học tập các môn KHCB” (26,2% GV và 22,3% SV); “Việc tích hợp KHCB và NVSP trong đào tạo giáo viên hướng đến hình thành các năng lực nghề nghiệp, đặc biệt năng lực hoạt động nghề cho SV” (15,9% GV và 17,5% SV); “Khuyến khích SV học một cách toàn diện hơn, không chỉ học kiến thức KHCB mà còn kiến thức NVSP” (12,4% GV và 14,1% SV); “Việc kết hợp rèn luyện NVSP trong các giờ dạy KHCB sẽ khiến SV học tập tích cực, chủ động, độc lập hơn...” (24,1% GV và 20,4% SV); “Trong quá trình tích hợp KHCB và NVSP, GV thể hiện tốt năng lực nghề nghiệp của mình, điều này sẽ khiến SV hứng

thú và yêu thích nghề sư phạm hơn” (17,2% GV và 19,6% SV); “SV được tiếp xúc, làm quen với nghề sư phạm sớm, ngay từ những học phần KHCB trong học kì đầu tiên” (19,3% GV và 24,6% SV); “Các năng lực nghề như năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực tổ chức các hoạt động sư phạm được hình thành, rèn luyện thường xuyên hơn cho SV” (14,5% GV và 16,8% SV). Những dữ liệu này một lần nữa chứng tỏ rằng, không phải GV và SV nào cũng nhận thức rõ ý nghĩa và vai trò quan trọng của việc tích hợp KHCB và NVSP.

* * *

Nhận thức ảnh hưởng lớn đến thái độ, hành vi và hoạt động của con người. Tính tích cực của con người trong hoạt động thường xuất phát từ sự nhận thức đúng đắn. Kết quả khảo sát đã cho thấy, phần lớn GV và SV đã nhận thức đúng đắn về vai trò của việc tích hợp KHCB và NVSP trong đào tạo GV. Đây chính là điều kiện thuận lợi để các trường ĐHSP thực hiện quan điểm tích hợp này. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận GV và SV chưa nhận thức được sự cần thiết cũng như tầm quan trọng của việc tích hợp KHCB và NVSP. Để tiến hành tích hợp KHCB và NVSP trong đào tạo giáo viên ở các trường ĐHSP đạt hiệu quả cao, cần thiết nâng cao nhận thức cho GV và SV về vấn đề này. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
- [2] Đinh Quang Báo (2010). Mô hình đào tạo giáo viên trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập kinh tế. Tạp chí Nghiên cứu Khoa học giáo dục, số 57, tr 11-15.
- [3] Nguyễn Đức Chính - Tống Thị Quý (2014). Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên trong dạy học các môn khoa học cơ bản tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 2 (75), tr 14-17.
- [4] Bùi Khắc Tin (2009). Dạy học hình học ở trường cao đẳng sư phạm theo hướng tích hợp với rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số 6, tr 37-39.
- [5] Phan Minh Tiến (chủ nhiệm đề tài) (2012). Biện pháp giáo dục giá trị nghề nghiệp cho sinh viên các trường đại học sư phạm. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở Đại học Huế, Mã số: DHH2011-03-15.